

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDDDB
TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU I
MÃ HỌC PHẦN: MEC - 211

HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 20/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	168212733	BÙI VĂN	ÁNH	T16XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
2	168212734	NGUYỄN VĂN	CẦN	T16XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
3	168212735	NGUYỄN VĂN	CUÔNG	T16XDDB	9			5.4		5			4	5.1	Nằm pháy Mất		
4	168212736	ĐẶNG HỒNG	ĐỨC	T16XDDB	7			4.7		5			5	5.3	Nằm pháy Ba		
5	168212737	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	T16XDDB	9			6.5		6			4	5.4	Nằm pháy Bấu		
6	168212738	PHAN VĂN	DŨNG	T16XDDB	7			4.4		6			4.5	5.1	Nằm pháy Mất		
7	168212739	NGUYỄN TRỌNG	GIANG	T16XDDB	5			4.9		4			3	0.0	Khăng		
8	168212740	HUỖNH CÔNG	HẢI	T16XDDB	9			5.4		4			4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
9	168212741	NGUYỄN TÂN	HẢI	T16XDDB	8			4		2			2	0.0	Khăng		
10	168212742	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	T16XDDB	8			7.5		9			6.5	7.3	Báy pháy Ba		
11	168212743	TRƯƠNG KIM	HOÀNG	T16XDDB	4			3.5		4			4	3.9	Ba pháy Chên		
12	168212744	LÊ VĂN	HUẤN	T16XDDB	9			6.4		6			7.5	7.3	Báy pháy Ba		
13	168212746	TRẦN KIM	HUY	T16XDDB	9			5.6		5.5			5.5	6.0	Sầu		
14	168212747	LÊ KHẮC	KHUÊ	T16XDDB	7			4.6		2.5			1.5	0.0	Khăng		
15	168212748	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	T16XDDB	8			6		3			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
16	168212749	LÊ CÔNG	KUÔNG	T16XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
17	168212750	NGUYỄN MINH	LONG	T16XDDB	7			4.1		8			4	5.1	Nằm pháy Mất		
18	168212751	NGUYỄN	LỰC	T16XDDB	9			7.6		7			6	6.8	Sầu pháy Tầm		
19	168212752	HUỖNH	LƯỢNG	T16XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
20	168212753	PHÙNG VĂN	MINH	T16XDDB	9			6.3		3			4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
21	168212754	TRƯƠNG CÔNG	MỘT	T16XDDB	9			6.1		4.5			7	6.8	Sầu pháy Tầm		
22	168212755	PHAN MINH	PHÚ	T16XDDB	9			5.8		6.5			4	5.4	Nằm pháy Bấu		
23	168212756	HUỖNH	PHÚC	T16XDDB	9			6.4		4			1.5	0.0	Khăng		
24	168212757	PHẠM VĂN	QUẢ	T16XDDB	9			5.6		4.5			5.5	5.9	Nằm pháy Chên		
25	168212758	NGUYỄN QUANG	TÁ	T16XDDB	9			5.7		4			2.5	0.0	Khăng		
26	168212759	ĐOÀN NGỌC	TÂM	T16XDDB	8			5.8		4			4	4.9	Bấu pháy Chên		
27	168212760	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDDB	4			3.4		2			3	0.0	Khăng		
28	168212761	ĐẶNG THANH	TÂY	T16XDDB	8			5.1		3			2.5	0.0	Khăng		
29	168212762	HUỖNH QUỐC	THÁI	T16XDDB	5			6.6		5			4	4.7	Bấu pháy Báy		
30	168212763	DƯƠNG VĂN	THẮNG	T16XDDB	7			5.4		6			4	5.0	Nằm		
31	168212764	NGUYỄN BÁ	THANH	T16XDDB	9			7.9		8.5			7.5	7.9	Báy pháy Chên		
32	168212765	NGUYỄN HỮU	THÀNH	T16XDDB	7			6.2		6			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
33	168212766	NGUYỄN ĐÌNH	THÓNG	T16XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
34	168212767	NGUYỄN ĐÌNH	TOÀN	T16XDDB	5			4.4		2.5			2	0.0	Khăng		
35	168212768	LÊ MẠNH	TUẤN	T16XDDB	8			5.8		5.5			DC	0.0	Khăng		
36	168212030	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG	T16XDDB	0			0		0			V	0.0	Khăng		
1	7992	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	K13XCD	7			5		4			5	5.2	Nằm pháy Hai		
2	4539	NGUYỄN DƯƠNG	QUYỀN	K13XDD	8			7.6		7			7.5	7.5	Báy pháy Nằm		
3	4573	CÙ HOÀNG	THƯƠNG	K13XDD	8			6.5		6			5.5	6.1	Sầu pháy Mất		
4	0223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T13XDD	7			7.5		6.5			5	5.9	Nằm pháy Chên		

Ngày thi: 20/10/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
5	0320	TRẦN MINH PHONG	T13XDC	6			4.5		3			4	4.2	Bầu pháp Hai		
6	8149	NGUYỄN VŨ TUẤN VINH	K13XCD	5			1.7		3.5			5.5	4.6	Bầu pháp Sáu		
7	7961	CHÂU QUỐC BẢO	K13XCD	6			4.5		2			5	4.6	Bầu pháp Sáu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	27	63%	
2	Số sinh viên nợ	16	37%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú